TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v Ly hôn giữa chị M – anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Ngoan;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Luyên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 7, Ấp 1, xã H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và và anh Trần Văn T tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V. Tuy nhiên do thời gian đã lâu, anh chị đã làm thất lạc mất giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì cả gia đình đi làm ăn kinh tế tại Đắk Lắk. Cuộc sống đông con lại khó khăn nên đến năm 2013

thì anh Th bỏ lại mẹ con chị và đi về sinh sống một mình tại thôn T, xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Từ đó đến nay anh T không có trách nhiệm gì với chị và các con, để mặc chị nuôi dạy 04 người con mà không hỏi han, quan tâm, chăm sóc. Chị M xác định đến nay chị và anh Th đã ly thân được 12 năm, thời gian quá dài nên hai bên không còn tình cảm. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 07/7/1995, Trần Thị H1, sinh ngày 17/9/1998, Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 19/10/2004 và Trần Huy T, sinh ngày 31/10/2007. Hiện nay 03 con lớn là Trần Thị H, Trần Thị H1 và Trần Thị Ngọc N đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh. Cháu Trần Huy T hiện đang học lớp 10 và sống cùng chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản: chị M xác định vợ chồng chị không có tài sản chung; không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung giữa anh chị.

Biên bản xác minh ngày 21/6/2023 tại UBND xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 1996, tuy nhiên hiện nay tài liệu lưu trữ liên quan đến sổ đăng ký kết hôn vào thời điểm đó không còn nên xã không cung cấp được chính xác ngày tháng kết hôn giữa hai vợ chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống tại địa phương một thời gian, sau đó khoảng năm 2003 cùng nhau vào Đắk Lắk làm ăn sinh sống. Đến năm 2013 anh Thành quay về sống và làm việc tại thôn T, xã V, không thấy vợ con anh T về cùng. Anh T sống một mình tại địa phương từ đó đến nay. Quá trình vợ chồng sinh sống phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được do thời gian sống tại địa phương không nhiều. Anh T và chị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, anh T sống một mình, đi làm may tại xã Vũ Lạc, sáng đi sớm, tối về muộn.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 04 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1995, Trần Thị H1, sinh năm 1998, Trần Thị Ngọc N, sinh năm 2004 và Trần Huy T, sinh năm 2007. Cả bốn con chung hiện ở với chị M, không có con nào về sống cùng anh T.

Về tài sản: vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ các tổ chức, đoàn thể nào tại thôn, xã.

Nay chị M làm thủ tục ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải

quyết cho vợ chồng ly hôn vì thực tế vọ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không còn sự quan tâm đến nhau.

Đối với vấn đề con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội đề nghị:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Trần Huy T, sinh ngày 31/10/2007 cho chị Minh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: chị Minh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn T cư trú tại thôn T, xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị M có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về hôn nhân: theo chị M trình bày thì chị và anh Trần Văn T đã đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại UBND xã V, nhưng do thời gian đã lâu, chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không thể giao nộp giấy chứng nhận cho Toà án. UBND xã V cũng xác nhận chị M anh T là vợ chồng chung sống với nhau

tại xã V, nhưng sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã của năm 1996 hiện nay không còn lưu trữ được. Do đó, có căn cứ để xác định quan hệ giữa chị M và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị M và anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị M xác định do khó khăn về kinh tế dẫn tới việc anh T bỏ về sinh sống một mình tại xã V, huyện Kiến Xương còn chị M cùng 04 người con sinh sống ở miền Nam. Lời khai của chị M và kết quả xác minh tại xã V đều thể hiện anh T chị M không chung sống cùng nhau từ năm 2013 đến nay, hai bên không cùng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng đối với nhau. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: chị Minh và anh Thành có 04 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 07/7/1995, Trần Thị H1, sinh ngày 17/9/1998, Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 19/10/2004 và Trần Huy T, sinh ngày 31/10/2007. Hiện nay 03 con lớn là Trần Thị H, Trần Thị H1 và Trần Thị Ngọc N đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu Trần Huy T hiện đang học lớp 10 và sống cùng chị M. Xét thấy chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, là yêu cầu chính đáng, cần được chấp nhận, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Huy T sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị M không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng, là hoàn toàn tự nguyện, nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271, 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân**:** Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chungTrần Huy T, sinh ngày 31/10/2007 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị M không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị M, anh T có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001816 ngày 06/02/2023 sang thi hành án phí. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND huyện Kiến Xương;*
- *Chi cục THADS huyện Kiến Xương;*
- *UBND xã;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Anh Tuấn